

Bản án số: 56 /2022/HS-ST
Ngày 28-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hữu Bằng

Ông Trương Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tín – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2022/HSST ngày 18/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 11/3/2022, đối với các bị cáo:

1- Trần Công D, sinh ngày 02/9/1976, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Duy B (chết) và bà Huỳnh Thị M (chết); có vợ Cao Thị Kim P, sinh năm 1977 và 02 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2- Bùi Văn T, sinh ngày 03/4/1977, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi T, sinh năm 1948 và bà Cao Thị Q, sinh năm 1955; có vợ Trương Thị Kim L, sinh năm 1982 và 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: Ngày 16/7/2021 bị UBND phường Bồng Sơn xử phạt vi phạm hành chính với hình thức

phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3- Trần Minh V, sinh ngày 20/12/1985, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố B, phường Hoài Đức, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần T (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4- Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/1982, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Phan Thị M, sinh năm 1965; có vợ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1987 và 03 con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5- Đinh Văn C, sinh ngày 10/4/1986, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh T, sinh năm 1949 và bà Trần Thị B, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6- Phùng Bá D, sinh ngày 08/12/1992, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm bánh; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phùng Bá T, sinh năm 1961 và bà Lê Thị X, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7- Võ Ngọc T, sinh ngày 23/7/1980, tại tỉnh B. Nơi cư trú: Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh B; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ L (chết) và bà Lê Thị X, sinh năm 1941; có vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 và 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/7/2021 bị UBND phường Bồng Sơn xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1- Nguyễn Xuân V, sinh năm 1988 (vắng không rõ lý do).

2- Trần Văn L, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

3-Trần Văn B, sinh năm 1999 (vắng không rõ lý do).

Đồng trú tại: Khu phố Đ 1, phường H, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 02/11/2021, tại nhà ông Trần Văn L (SN 1967) ở khu phố Đ 1, phường H, thị xã H, Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D, Võ Ngọc T thống nhất cùng nhau chơi đánh bạc hình thức rung bầu cua thắng thua bằng tiền. Trần Công D dùng chén nhôm, đĩa nhôm, 03 hột (06 mặt in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai) xóc cho Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D, Võ Ngọc T đặt cược, thỏa thuận mỗi ván mỗi người đặt cược không quá 500.000 đồng. Trần Công D dùng 4.100.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Bùi Văn T dùng 3.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Trần Minh V dùng 1.600.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Nguyễn Văn T dùng 1.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Đinh Văn C dùng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Phùng Bá D dùng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Võ Ngọc T dùng 500.000 đồng vào mục đích đánh bạc.

Đến 12 giờ 45 phút cùng ngày, tổ công tác Công an thị xã Hoài Nhơn bắt quả tang Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D, Võ Ngọc T đang chơi đánh bạc, số tiền thu trên chiếu bạc là 9.100.000 đồng, số tiền thu trên người dùng đánh bạc là 3.300.000 đồng. Quá trình chơi, Trần Công D thắng số tiền 500.000 đồng, Đinh Văn C thắng số tiền 400.000 đồng, Nguyễn Văn T thắng số tiền 300.000 đồng, Trần Minh V thua số tiền 1.100.000 đồng, Võ Ngọc T thua số tiền 100.000 đồng.

Về vật chứng: 01 bàn bầu cua kích thước (87,5 x 60) cm; 01 tô kim loại màu bạc đường kính 17cm; 01 đĩa kim loại màu bạc đường kính 21cm; 03 hột bầu cua bằng giấy cạnh 02cm; số tiền 12.400.000 đồng đánh bạc trái phép.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T đã khai nhận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 02/11/2021, tại hè nhà của Trần Văn L ở khu phố Đ 1, phường H, các bị cáo có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền Việt Nam dưới hình thức đánh Bầu cua thì bị bắt quả tang thu giữ số tiền 12.400.000 đồng. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa, không tranh luận.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 18 tháng 02 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc

T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T phạm tội “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

1- Xử phạt bị cáo Trần Công D từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

2- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

3- Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

4- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

5- Xử phạt bị cáo Đinh Văn C từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

6- Xử phạt bị cáo Phùng Bá D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

7- Xử phạt bị cáo Võ Ngọc T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.400.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có. Tuyên tạm giữ số tiền 12.400.000 đồng trong tài khoản số 3949.0.1007670.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tại Kho bạc Nhà nước Hoài Nhơn (theo ủy nhiệm chi số 02 ngày 22/02/2022 của Công an thị xã Hoài Nhơn) để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bàn bầu cua kích thước (87,5 x 60) cm; 01 tô kim loại màu bạc đường kính 17cm; 01 đĩa kim loại màu bạc đường kính 21cm; 03 hột bầu cua bằng giấy cạnh 02cm (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn và Công an thị xã Hoài Nhơn).

Lời nói sau cùng của các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hoài Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T khai nhận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 02/11/2021, tại hệ nhà của Trần Văn L ở khu phố Đ 1, phường H, các bị cáo có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền Việt Nam dưới hình thức đánh Bầu cua thì bị bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.100.000 đồng và thu giữ tiền trên người các bị cáo 3.300.000 đồng để dùng vào mục đích đánh bạc. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T phạm tội “Đánh bạc” phạm vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn truy tố là có căn cứ.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Vì hám lợi mà các bị cáo đã sát phạt ăn thua bằng tiền lẫn nhau, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] *Xét vai trò các bị cáo trong vụ án*: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có bàn bạc, rủ rê hay phân công nhiệm vụ gì trước đó, các bị cáo cùng thống nhất đánh bạc. Số tiền các bị cáo đánh bạc và dùng để đánh bạc là 12.400.000 đồng trong đó bị cáo Trần Công D 4.100.000 đồng, Bùi Văn T 3.000.000 đồng, Trần Minh V 1.600.000 đồng, Nguyễn Văn T 1.200.000 đồng, Đinh Văn C 1.000.000 đồng, Phùng Bá D 1.000.000 đồng và Võ Ngọc T

500.000 đồng. Do đó, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như số tiền của từng bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để các bị cáo an tâm cải tạo.

[5] *Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:*

- *Về nhân thân:* Các bị cáo Bùi Văn T, Võ Ngọc T có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng có nơi cư trú ổn định do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo Trần Công D hình phạt tù có điều kiện; xử phạt các bị cáo Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D, Võ Ngọc T hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[6] *Về khấu trừ thu nhập:* Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D, Võ Ngọc T khai nhận hàng tháng có thu nhập ổn định do đó cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo để sung quỹ nhà nước cụ thể:

- Bị cáo Bùi Văn T có thu nhập hàng tháng 6.000.000 đồng nên cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng là 600.000 đồng.

- Bị cáo Trần Minh V có thu nhập hàng tháng 6.000.000 đồng nên cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng là 600.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T có thu nhập hàng tháng 6.000.000 đồng nên cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng là 600.000 đồng.

- Bị cáo Đinh Văn C có thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng nên cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng là 700.000 đồng.

- Bị cáo Phùng Bá D có thu nhập hàng tháng 5.000.000 đồng nên cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng là 500.000 đồng.

- Bị cáo Võ Ngọc T có thu nhập hàng tháng 8.000.000 đồng nên cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng là 800.000 đồng.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo Trần Công D 10.000.000 đồng, bị cáo Bùi Văn T

10.000.000 đồng, bị cáo Trần Minh V 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng, bị cáo Đinh Văn C 10.000.000 đồng, bị cáo Phùng Bá D 10.000.000 đồng, bị cáo Võ Ngọc T 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 12.400.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuyên tạm giữ số tiền 12.400.000 đồng trong tài khoản số 3949.0.1007670.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tại Kho bạc Nhà nước Hoài Nhơn (theo ủy nhiệm chi số 02 ngày 22/02/2022 của Công an thị xã Hoài Nhơn) để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 bàn bầu cua kích thước (87,5 x 60) cm; 01 tô kim loại màu bạc đường kính 17cm; 01 đĩa kim loại màu bạc đường kính 21cm; 03 hột bầu cua bằng giấy cạnh 02cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn và Công an thị xã Hoài Nhơn).

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cần buộc các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trần Công D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/4/2022.

Giao bị cáo Trần Công D cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Công D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Trần Công D 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường B, thị xã H, tỉnh B nhận được bản án và Quyết định hình phạt.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho UBND phường B, thị xã H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Buộc bị cáo Bùi Văn T nộp khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của số tiền 6.000.000 đồng = 600.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo T phải nộp là 600.000 đồng/tháng x 12 tháng = 7.200.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Bùi Văn T 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh V 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường H, thị xã H, tỉnh B nhận được bản án và Quyết định hình phạt.

Giao bị cáo Trần Minh V cho UBND phường H, thị xã H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Buộc bị cáo Trần Minh V nộp khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của số tiền 6.000.000 đồng = 600.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo V phải nộp là 600.000 đồng/tháng x 09 tháng = 5.400.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Trần Minh V 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường H, thị xã H, tỉnh B nhận được bản án và Quyết định hình phạt.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường B, thị xã H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của số tiền 6.000.000 đồng = 600.000 đồng. Tổng số tiền mà bị

cáo T phải nộp là $600.000 \text{ đồng/tháng} \times 09 \text{ tháng} = 5.400.000 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường B, thị xã H, tỉnh B nhận được bản án và Quyết định hình phạt.

Giao bị cáo Đinh Văn C cho UBND phường B, thị xã H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Buộc bị cáo Đinh Văn C nộp khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của số tiền 7.000.000 đồng = 700.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo C phải nộp là $700.000 \text{ đồng/tháng} \times 09 \text{ tháng} = 6.300.000 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Đinh Văn C 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phùng Bá D (09) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường H, thị xã H, tỉnh B nhận được bản án và Quyết định hình phạt.

Giao bị cáo Phùng Bá D cho UBND phường H, thị xã H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Buộc bị cáo Phùng Bá D nộp khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của số tiền 5.000.000 đồng = 500.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo D phải nộp là $500.000 \text{ đồng/tháng} \times 09 \text{ tháng} = 4.500.000 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Phùng Bá D 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Võ Ngọc T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường H, thị xã H, tỉnh B nhận được bản án và Quyết định hình phạt.

Giao bị cáo Võ Ngọc T cho UBND phường H, thị xã H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Buộc bị cáo Võ Ngọc T nộp khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của số tiền 8.000.000 đồng = 800.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo T

phải nộp là 800.000 đồng/tháng x 12 tháng = 9.600.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Võ Ngọc T 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

2- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.400.000 đồng. Tuyên tạm giữ số tiền 12.400.000 đồng trong tài khoản số 3949.0.1007670.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tại Kho bạc Nhà nước Hoài Nhơn (theo ủy nhiệm chi số 02 ngày 22/02/2022 của Công an thị xã Hoài Nhơn) để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bàn bầu cua kích thước (87,5 x 60) cm; 01 tô kim loại màu bạc đường kính 17cm; 01 đĩa kim loại màu bạc đường kính 21cm; 03 hột bầu cua bằng giấy cạnh 02cm.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn và Công an thị xã Hoài Nhơn).

3- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Công D, Bùi Văn T, Trần Minh V, Nguyễn Văn T, Đinh Văn C, Phùng Bá D và Võ Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tx. Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS Tx. Hoài Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tx. Hoài Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tx. Hoài Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Long Nhiên

THÀNH VIÊN HĐ XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Chính

Nguyễn Ron

Lê Thị Ngọc Dung

**TÒA ÁN ND TP. QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ron – Cán bộ hưu trí phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn
2. Bà Cao Thị Chính - Cán bộ hưu trí phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn

Tiến hành Nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2020/HSST ngày 12/11/2020 đối với bị cáo:

Lương Chí Hòa, sinh năm 1996 tại TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Nơi cư trú: Tổ 5, khu vực 7, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Bình Định

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp: Trong quá trình điều tra, tuy tổ các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập theo trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về tội danh, điều luật áp dụng: Đủ căn cứ để xác định bị cáo Lương Chí Hòa phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52..... của Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Hình phạt, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Chí Hòa tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2020.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Án phí hình sự, án phí dân sự; xử lý vật chứng; tài sản bị kê biên, tài khoản bị phong tỏa:

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lương Chí Hòa phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

7. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HĐ XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Chính

Nguyễn Ron

Lê Thị Ngọc Dung

